

Bản án số: 686/2025/DS-PT
Ngày 18 tháng 6 năm 2025
V/v Tranh chấp thừa kế; Yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 1702/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1962 (chết ngày 27/8/2022);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T: Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1989; cư trú: số C, tổ C, ấp P, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của chị D: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1970; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2023) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1971; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị Kim B, sinh năm 1961; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1968; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

3. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1970; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

4. Bà Đặng Thị S, sinh năm 1972; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

5. Bà Đặng Thị V, sinh năm 1979; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà B, ông T2, bà S, bà V, bà N: bà Trần Thị Liên H, sinh năm 1957; cư trú: khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2022) (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà B, ông T2, bà S, bà V: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1970; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2024 (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1979; cư trú: tổ F, ấp Đ, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà D1: ông Đặng Văn T1 (Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2019) (có mặt).

7. Ông Phạm Thanh H1, sinh năm 1969; cư trú: số D, khóm T, thị trấn N, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

8. Bà Lưu Thị X, sinh năm 1969; cư trú: số D khóm T, thị trấn N, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

9. Ngân hàng N2 (vắng mặt).

10. Ông Lưu Hoàng E, sinh năm 1966; cư trú: ấp C, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

11. Ông Lê Văn S1, sinh năm 1978; cư trú: tổ B, ấp V, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

12. Ông Lưu Thanh H2, sinh năm 1967; cư trú: tổ F, ấp T, xã T, thị xã T tỉnh An Giang (vắng mặt).

13. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

14. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã T : Ông Lê Thanh P - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T và ông Nguyễn Văn S2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: bị đơn ông Đặng Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn:

Cụ Đặng Văn Á và cụ Nguyễn Thị N1 có 07 người con gồm: Đặng Thị Kim B, Đặng Ngọc T, Đặng Văn T2, Đặng Thị N, Đặng Thị S, Đặng Văn T1 và Đặng Thị V. Khi còn sống có tạo lập được một số tài sản, trong đó có 14.812m² đất nông nghiệp tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang. Năm 2008 cụ Á chết, ngày 04/11/2008 cụ N1, ông T, ông T1 và bà V có thỏa thuận theo đó cụ N1, ông T, bà V thống nhất giao phần di sản được hưởng của cụ Á cho ông Tiên sự thỏa thuận được lập thành văn bản được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực. Theo tờ phân chia thì do cụ N1 lớn tuổi nên để cho T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích đi vay tiền Ngân hàng, sau đó ông T1 đi kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01275gE ngày 16/9/2010 mang tên Đặng Văn T1 và Nguyễn Thị Thùy D1.

Phần đất nông nghiệp này có diện tích 14.182m² tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang do ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên quyền sử dụng đất số CH01275gE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 16/9/2010 được xác định tại các điểm 1, 2, 3, 4, 9, 10 theo Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố C lập ngày 08/6/2018.

Căn nhà gỗ gắn liền với 1373,9m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; sau khi khấu trừ các phần diện tích đất nằm trong quyền sử dụng đất được cấp và tính theo hiện trạng sử dụng, phần đất này còn lại 1.266,5m² được xác định tại các điểm 106, 108, 148, 151, 55, 96, 81, 49, 48, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 59, 125, 66, 67, 147, 62, 61, 118, 119, 120, 152, 121 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021.

Phần đất nông nghiệp có diện tích 2.412,3m² tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 4, 7, 145, 144, 28, 26, 139, 138, 137, 136 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021.

Do phần đất là của cha mẹ để lại, nhưng chỉ có cụ N1 (là mẹ), ông T bà V và ông T1 thỏa thuận phân chia, không được sự đồng ý của các anh chị em khác, là không đúng pháp luật, không đảm bảo quyền lợi của các anh chị em còn lại.

Nay các nguyên đơn yêu cầu yêu cầu chia thừa kế toàn bộ giá trị di sản cho các đồng thừa kế của ông Á và bà N1 theo qui định của pháp luật.

Bị đơn ông Đặng Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy D1 do ông T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cụ Á và cụ N1 có 7 người con như ông T trình bày, khi còn sống có tạo lập được tài sản như nguyên đơn trình bày là đúng, ông là người chung sống và chăm sóc cha mẹ. Năm 2008 cụ Á chết thì cụ N1, ông T, bà V có làm tờ “Thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” tại Ủy ban nhân dân xã V với nội dung đồng ý cho ông T1 di sản thừa kế đối với di sản của cụ Á để lại, nên ông đi đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

01275gE ngày 16/9/2010 diện tích 14.812 m² đứng tên Đặng Văn T1 và Nguyễn Thị Thùy D1.

Nay ông T yêu cầu chia thừa kế mà cha mẹ đã cho thì ông T1 không đồng ý; đồng thời không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T.

Khi ông T1 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T1 đem thế chấp cho Ngân hàng N2 chi nhánh huyện T vay 50.000.000 đồng để lấy kinh phí nuôi mẹ bệnh, đến năm 2018 thì ông T1 đã trả xong cho Ngân hàng.

Ông Đặng Văn T1 yêu cầu chia thừa kế đối với 20.000m² đất tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang và 17.000m² đất tọa lạc tại xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; trong đó: yêu cầu ông T hoàn trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng là phần ông được hưởng từ mẹ đối với phần đất có diện tích 17.000m² và ông T2 hoàn trả cho ông 30.000.000 đồng là phần ông được hưởng từ mẹ đối với phần đất có diện tích 20.000m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V thống nhất với lời trình bày của ông T, ông T1 về di sản của cha mẹ là cụ Á, cụ N1 để lại như nguyên đơn trình bày nên yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Ông Phạm Thanh H1 và bà Lưu Thị X trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 16/9/2018 như sau: khoảng năm 2017, ông bà có cho ông T1 vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu), không có thỏa thuận thời hạn, ông T1 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01275 ngày 16/9/2010 do UBND thị xã C cấp cho Đặng Văn T1 và Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng vay cũng như hợp đồng thế chấp. Trường hợp phát sinh tranh chấp, ông bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố C vắng mặt, nhưng tại Văn bản số 2675/UBND-NC ngày 11/9/2018 trình bày: về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01275gE ngày 16/9/2010 do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp cho ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định số 38/2007/QĐ-UBND ngày 14/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh A quy định về trình tự thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các đương sự thống nhất với giá do Hội đồng định giá tài sản đưa ra theo biên bản định giá ngày 02/02/2021 đối với các tài sản tại thị xã T. Đối với tài sản tại thành phố C, ông T1 đồng ý với giá theo biên bản định giá ngày 22/8/2022 của Hội đồng định giá (55.000 đồng/m²), các đương sự khác cho rằng mức giá thấp hơn thực tế, đồng ý với giá 228.000 đồng/m² do Công ty cổ phần T4 thẩm định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

[1] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Đặng Ngọc T (do chị Phạm Thị D2 kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01275gE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 16/9/2010 cho ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên.

[2] Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của ông Đặng Văn T1 đối với 20.000m² đất tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang và 17.000m² đất tọa lạc tại xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; trong đó: yêu cầu ông T hoàn trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng là phần ông được hưởng từ mẹ đối với phần đất có diện tích 17.000m² và ông T2 hoàn trả cho ông 30.000.000 đồng là phần ông được hưởng từ mẹ đối với phần đất có diện tích 20.000m².

[3] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Đặng Ngọc T (do chị Huỳnh Thị D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng), bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị V.

Ông Đặng Văn T1 được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ di sản (trị giá 3.565.128.450 đồng) do cụ Đặng Văn Á, cụ Nguyễn Thị N1 để lại gồm: phần đất nông nghiệp có diện tích 14.182m² tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang do ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên quyền sử dụng đất số CH01275gE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 16/9/2010 được xác định tại các điểm 1, 2, 3, 4, 9, 10 theo Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố C lập ngày 08/6/2018 (trị giá 3.377.136.000 đồng); căn nhà gỗ có diện tích 100,3m² được xác định tại các điểm 90, 92, 91, 69, 65, 70, 128, 88 gắn liền với 1.266,5m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 106, 108, 148, 151, 55, 96, 81, 49, 48, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 59, 125, 66, 67, 147, 62, 61, 118, 119, 120, 152, 121 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021 (trị giá 130.107.250 đồng) hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04168 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 07/12/2012 và phần đất nông nghiệp có diện tích 2.412,3m² tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 4, 7, 145, 144, 28, 26, 139, 138, 137, 136 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021 (trị giá 57.895.200 đồng) hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08459 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 01/4/2022.

Trong đó:

- Ông Đặng Văn T1 được hưởng toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của cụ Nguyễn Thị N1 trong khối tài sản chung với cụ Đặng Văn Á, 1/9 di sản do cụ Á để lại (do cụ N1 được chia) và được hưởng 2/9 di sản do cụ Á để lại, tổng trị giá 2.376.758.966 đồng.

- Ông Đặng Văn T1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị V và chị Huỳnh Thị D (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Ngọc T) mỗi người 1/9 di sản do cụ Á để lại, trị giá mỗi kỷ phần 198.063.247 đồng.

[4] Ông T2 được quyền sử dụng 13,5m² đất tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 112, 113, 114 và 116, 115, 117, 126, 125 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021.

Chị Đặng Thị V được quyền sử dụng 1,6m² đất tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 118, 61, 147, 63 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/01/2024, bị đơn ông Đặng Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đặng Thị N (đồng thời là đại diện theo ủy quyền cho bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V) rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông T1 vẫn giữ nguyên câu kháng cáo, không đồng ý chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ Á mà anh em đã ký cho ông T1 khi bà N1 còn sống.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu nhận hiện vật vì không có tiền thanh toán lại kỷ phần thừa kế cho các thừa kế nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phát mãi toàn bộ di sản để phân chia thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Đặng Thị N, Đặng Thị V, bà Đặng Thị S (do bà N đại diện theo ủy quyền) rút kháng cáo tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N, bà V, bà S. Ông Đặng Văn T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đặng Văn T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh H1, bà Lưu Thị X, Ngân hàng N2, ông Lưu Hoàng E, ông Lê Văn S1, ông Lưu

Thanh H2 vắng mặt, Ủy ban nhân dân thành phố C và Ủy ban nhân dân thị xã T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị V, bà Đặng Thị S (do bà N đại diện theo ủy quyền) yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, việc rút kháng cáo của bà V, bà N, bà S là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà N, bà V, bà S là phù hợp với quy định tại Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T3, Hội đồng xét xử xét thấy

[3.1]. Xác định người thừa kế:

Các đương sự thống nhất trình bày cụ Đặng Văn Á chết ngày 11/4/2008 và cụ Nguyễn Thị N1 chết ngày 02/10/2014, cả 02 cụ đều không lập di chúc. Các đương sự đều thống nhất cụ Á, cụ N1 có với nhau 07 người con chung gồm: ông Đặng Ngọc T, bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V và ông Đặng Văn T1.

Cha mẹ của cụ Á, cụ N1 đều chết trước cụ Á, cụ N1 và cụ Á, cụ N1 không được người khác nhận làm con nuôi hoặc cụ Á, cụ N1 không nhận bất cứ ai làm con nuôi.

Như vậy, tại thời điểm cụ Đặng Văn Á chết, người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Á gồm: cụ Nguyễn Thị N1, ông Đặng Ngọc T, bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị V. Tại thời điểm cụ Nguyễn Thị N1 chết, người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1 gồm: ông Đặng Ngọc T, bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị V.

[3.2]. Xác định tài sản chung của cụ Á và cụ N1: Các đương sự trong vụ án đều thống nhất khi còn sống cụ Á và cụ N1 có các tài sản sau:

1/ Đất nông nghiệp tọa lạc tại xã V, thành phố C tỉnh An Giang có diện tích 13.677m² do cụ Đặng Văn Á đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02098QSDĐ/cE do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp ngày 31/7/1992 (hiện do ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên quyền sử dụng đất số CH01275gE do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp ngày 16/9/2010 có diện tích 14.812m²).

2/ Căn nhà gỗ gắn liền với 1.685,7m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang (nay là phường T, thị xã T, tỉnh An Giang) do cụ Đặng Văn Á, cụ Nguyễn Thị N1 đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03082QSDĐ/eK do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/5/2004 (hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04168 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 07/02/2012 có diện tích 1.373,9m²; bà Đặng Thị V đứng tên đối với diện tích 136m² và ông Đặng Văn T2 đứng tên đối với diện tích 175,8m²).

3/ Phần đất nông nghiệp có diện tích 3.327m² tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang (nay là phường T, thị xã T, tỉnh An Giang) do cụ Đặng Văn Á, cụ Nguyễn Thị N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1641eK do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/6/2007 (hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04171 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 03/02/2012).

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các đương sự đã thống nhất ổn định hiện trạng sử dụng đất cho ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị V, thống nhất chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với những phần đất theo hiện trạng sử dụng và nằm trong phạm vi quyền sử dụng đất đã được cấp; các đương sự không có ý kiến gì về căn nhà do vợ chồng ông T1 tự xây dựng và cây cối trên đất sẽ thuộc sở hữu của người được chia phần đất có cây cối nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết đối với 03 phần đất theo bản vẽ hiện trạng sử dụng đất tương ứng với phần diện tích nằm trong phạm vi được cấp quyền sử dụng đất và căn nhà do cụ Á, cụ N1 để lại nên di sản do cụ Á, cụ N1 để lại bao gồm các tài sản sau:

Thứ nhất: phần đất nông nghiệp có diện tích 14.182m² tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang do ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên quyền sử dụng đất số CH01275gE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 16/9/2010 được xác định tại các điểm 1, 2, 3, 4, 9, 10 theo Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố C lập ngày 08/6/2018.

Thứ hai: Căn nhà gỗ gắn liền với 1373,9m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; sau khi khấu trừ các phần diện tích đất nằm trong quyền sử dụng đất được cấp và tính theo hiện trạng sử dụng, phần đất này còn lại 1.266,5m² được xác định tại các điểm 106, 108, 148, 151, 55, 96, 81, 49, 48, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 59, 125, 66, 67, 147, 62, 61, 118, 119, 120, 152, 121 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021.

Thứ ba: phần đất nông nghiệp có diện tích 2.412,3m² tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 4, 7, 145, 144, 28, 26, 139, 138, 137, 136 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021.

[3.3] Xác định di sản và phân chia thừa kế:

Do cụ Á chết ngày 11/4/2008 nên di sản do cụ Á để lại là ½ diện tích 14.812m² đất nông nghiệp tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang hiện do ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên quyền sử dụng đất; ½ căn nhà gỗ gắn liền với 1.266,5m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên và ½ diện tích 2.412,3m² đất nông nghiệp tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên.

Đáng lẽ khi cụ Á chết, di sản do cụ Á để lại được chia 08 kỷ phần cho vợ và các con của cụ Á gồm: cụ Nguyễn Thị N1, ông Đặng Ngọc T, bà Đặng Kim B,

ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị V nhưng cụ Nguyễn Thị N1 đã cùng với ông Đặng Ngọc T, bà Đặng Thị V và ông Đặng Văn T1 thỏa thuận phân chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 14.812m² đất nông nghiệp tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang; cụ Nguyễn Thị N1 còn cùng với ông Đặng Ngọc T, bà Đặng Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị S, ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị V thỏa thuận phân chia thừa kế đối với 1.685,7m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang (hiện do T1, V, T2 đứng tên) và 3.327m² đất nông nghiệp tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, thỏa thuận phân chia thừa kế đối với di sản do cụ Á để lại không đầy đủ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Á nhưng xét về nội dung thỏa thuận thì thấy: cụ Nguyễn Thị N1 đã tự nguyện thỏa thuận phân chia cho ông Đặng Văn T1 được thừa hưởng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp tại xã V; đối với 02 phần đất ở phường T thì theo thỏa thuận, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị V một phần đất thổ cư và ông T1 được thừa hưởng toàn bộ phần đất còn lại.

Khi thỏa thuận, ông T1, ông T2 và bà V đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi cụ N1 còn sống nhưng cụ N1 không có ý kiến gì nên xem như cụ N1 đã định đoạt, phân chia phần tài sản thuộc quyền của cụ N1 (nằm trong khối tài sản chung với cụ Á và 1/8 di sản mà cụ được chia từ di sản của cụ Á).

Do đó, khi cụ N1 chết, tất cả các tài sản của cụ N1 đã được định đoạt và không còn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia di sản do cụ N1 để lại; chỉ chấp nhận đối với yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Á để lại gồm: ½ phần đất nông nghiệp có diện tích 14.182m² tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang; ½ căn nhà gỗ gắn liền với 1.373,9m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang và ½ phần đất nông nghiệp có diện tích 2.412,3m² tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang là có căn cứ.

Do ông Đặng Văn T1 đã có công sức trong việc chăm sóc cha mẹ khi tuổi già và giỗ hiếu, ma chay; ông T1 cũng đã có công sức vào việc trông coi, giữ gìn di sản nên Hội đồng xét xử quyết định dành thêm 01 kỷ phần thừa kế cho ông Đặng Văn T1 được hưởng là phù hợp với quy định tại Án lệ số 05/2016/AL được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, khi chia thừa kế di sản do cụ Đặng Văn Á để lại, di sản sẽ chia thành 09 kỷ phần bằng nhau được chia cho cụ Nguyễn Thị N1, ông Đặng Ngọc T, bà Đặng Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị V mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế, riêng ông Đặng Văn T1 được chia 02 kỷ phần thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.4]. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định giao toàn bộ di sản cho ông T1 tiếp tục sử dụng và có nghĩa vụ phải trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.5]. Ông T1 kháng cáo cho rằng ông T, bà V đã ký tên cho ông T1 thì không được đòi chia thừa kế nhưng các đương sự đều thừa nhận việc ký tên của các ông bà là để ông T1 đi vay tiền ngân hàng chứ không cho ông T1; tại phiên

tòa phúc thẩm, ông T1 cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên yêu cầu kháng cáo của ông T1 không được chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ.

[4]. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu phát mãi di sản để chia cho các đồng thừa kế vì không ai có tiền thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác; yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và phân chia như sau: $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản thuộc ông Đặng Văn T1 được cụ N1 cho trong khối tài sản chung với ông Á + 1 phần thừa kế của cụ N1 được thừa kế của ông Á = $\frac{1}{2}$ tài sản : 9 phần = $\frac{1}{18}$ tài sản và ông T1 được nhận 2 phần thừa kế của ông Á để lại = $\frac{2}{18}$ tài sản nên tổng cộng khi phát mãi ông T1 được nhận $\frac{12}{18}$ giá trị tổng tài sản; bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V và chị Huỳnh Thị D (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Ngọc T) mỗi người được $\frac{1}{9}$ di sản do cụ Á để lại, tức $\frac{1}{18}$ toàn bộ giá trị tài sản.

Như vậy, Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên về tỉ lệ phân chia tài sản nhưng chỉ điều chỉnh về cách chia tài sản. Giá trị kỉ phần thừa kế được xác định tại thời điểm thi hành án phát mãi tài sản.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V rút kháng cáo tại phiên tòa nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Đặng Văn T1 kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang nhưng có điều chỉnh lại cách phân chia di sản như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Đặng Ngọc T (do chị Huỳnh Thị D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng), bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị V.

Công nhận di sản của cụ Đặng Văn Á để lại gồm:

- 1/2 phần đất nông nghiệp có diện tích 14.182m² tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang do ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên quyền sử dụng đất số CH01275gE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 16/9/2010 được xác định tại các điểm 1, 2, 3, 4, 9, 10 theo Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố C lập ngày 08/6/2018;

- 1/2 căn nhà gỗ có diện tích 100,3m² được xác định tại các điểm 90, 92, 91, 69, 65, 70, 128, 88 gắn liền với 1.266,5m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 106, 108, 148, 151, 55, 96, 81, 49, 48, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 59, 125, 66, 67, 147, 62, 61, 118, 119, 120, 152, 121 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021 hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04168 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 07/12/2012;

- 1/2 phần đất nông nghiệp có diện tích 2.412,3m² tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 4, 7, 145, 144, 28, 26, 139, 138, 137, 136 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021, hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08459 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 01/4/2022.

2. Ông Đặng Văn T1 được nhận 12/18 và bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V và chị Huỳnh Thị D (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Ngọc T) mỗi người được nhận 1/18 giá trị các tài sản sau:

- Phần đất nông nghiệp có diện tích 14.182m² tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang do ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên quyền sử dụng đất số CH01275gE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 16/9/2010 được xác định tại các điểm 1, 2, 3, 4, 9, 10 theo Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố C lập ngày 08/6/2018;

- Căn nhà gỗ có diện tích 100,3m² được xác định tại các điểm 90, 92, 91, 69, 65, 70, 128, 88 gắn liền với 1.266,5m² đất thổ cư, cây lâu năm tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 106, 108, 148, 151, 55, 96, 81, 49, 48, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 59, 125, 66, 67, 147, 62, 61, 118, 119, 120, 152, 121 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021, hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04168 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 07/12/2012;

- Phần đất nông nghiệp có diện tích 2.412,3m² tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 4, 7, 145, 144, 28, 26, 139, 138, 137, 136 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021 (hiện do ông Đặng Văn T1 đứng tên theo giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số CS08459 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 01/4/2022.

Giá trị mỗi phần thừa kế sẽ được xác định tại thời điểm thi hành án phát mãi tài sản.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Đặng Ngọc T (do chị Phạm Thị D2 kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01275gE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 16/9/2010 cho ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 đứng tên.

4. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của ông Đặng Văn T1 đối với 20.000m² đất tọa lạc tại xã V, thành phố C, tỉnh An Giang và 17.000m² đất tọa lạc tại xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; trong đó: yêu cầu ông T hoàn trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng là phần ông được hưởng từ mẹ đối với phần đất có diện tích 17.000m² và ông T2 hoàn trả cho ông 30.000.000 đồng là phần ông được hưởng từ mẹ đối với phần đất có diện tích 20.000m².

5. Ông T2 được quyền sử dụng 13,5m² đất tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 112, 113, 114 và 116, 115, 117, 126, 125 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021.

Bà Đặng Thị V được quyền sử dụng 1,6m² đất tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 118, 61, 147, 63 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập ngày 14/12/2021.

6. Về án phí:

Ông Đặng Văn T1 phải nộp 79.535.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008423 ngày 30/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và sau khi khấu trừ, ông Đặng Văn T1 còn phải nộp 78.285.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Ngọc T do chị Huỳnh Thị D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng, bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị V mỗi người phải nộp 9.903.000 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, trong đó:

- Ông Đặng Ngọc T do chị Huỳnh Thị D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng được khấu trừ 3.469.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015101 ngày 27/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc và số 0008403 ngày 09/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và sau khi khấu trừ, ông Đặng Ngọc T do chị Huỳnh Thị D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng còn phải nộp 6.434.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Thị Kim B được khấu trừ 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005194 ngày 27/8/2019 và số 0008404 ngày 09/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và sau khi khấu trừ, bà Đặng Thị Kim B còn phải nộp 7.203.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đặng Văn T2 được khấu trừ 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005195 ngày 27/8/2019 và số 0008405 ngày 09/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và sau khi khấu trừ, ông Đặng Văn T2 còn phải nộp 7.203.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Thị N được khấu trừ 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005196 ngày 27/8/2019 và số 0008406 ngày 09/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và sau khi khấu trừ, bà Đặng Thị N còn phải nộp 7.203.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Thị S được khấu trừ 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005198 ngày 27/8/2019 và số 0008407 ngày 09/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và sau khi khấu trừ, bà Đặng Thị S còn phải nộp 7.203.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Thị V được khấu trừ 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005197 ngày 27/8/2019 và số 0008408 ngày 09/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và sau khi khấu trừ, bà Đặng Thị V còn phải nộp 7.203.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về chi phí tố tụng:

Ông Đặng Ngọc T (do chị Huỳnh Thị D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng), bà Đặng Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị V phải nộp 27.089.860 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá (đã nộp xong), trong đó: ông Đặng Ngọc T (do chị Huỳnh Thị D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng), bà Đặng Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V mỗi người phải nộp 1.504.800 đồng, ông Đặng Văn T1 phải nộp 18.060.800 đồng và do ông Đặng Ngọc T đã nộp tạm ứng 13.113.860 đồng, bà Đặng Thị N đã nộp tạm ứng 12.182.000 đồng và ông Đặng Văn T1 đã nộp tạm ứng 1.794.000 đồng nên ông Đặng Văn T1 phải hoàn lại cho ông Đặng Ngọc T (do chị Huỳnh Thị D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) số tiền 11.609.060 đồng và hoàn lại cho bà Đặng Thị N số tiền 4.657.740 đồng; bà Đặng Thị Kim B, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị V mỗi người phải hoàn lại cho Đặng Thị N số tiền 1.504.800 đồng.

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Văn T1, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị V mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0000113 ngày 02/01/2024 và 0000129, 0000130, 0000131 cùng ngày 22/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; các đương sự đã thực hiện xong.

9. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Nguyễn Thị Cúc